

Số: /BC-STNMT

Bắc Ninh, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023

Thực hiện Công văn số 7222/BTNMT-VP ngày 29/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 của ngành tài nguyên và môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh báo cáo, như sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phòng, chống dịch Covid-19; nêu cao vai trò, ý thức trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, các phòng, đơn vị, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong công tác phòng, chống dịch; kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn trong công tác quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân trong tình hình mới. Thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giải quyết công việc.

Tập trung lãnh đạo điều hành, triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình công tác của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, phục vụ hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, thực hiện tốt các nhiệm vụ, phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo lộ trình của tỉnh, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tạo sự đoàn kết, đồng thuận của xã hội trong việc quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Kết quả đạt được

2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

Tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật đang còn hiệu lực và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Đồng thời, thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do Sở tham mưu thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh, kịp thời điều chỉnh phù hợp với các quy định của trung ương và thực tế của tỉnh. Năm 2022, Sở đã tham mưu xây dựng trình HĐND tỉnh ban hành 01 nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 01 quyết định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tổ chức triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

Xây dựng và tổ chức hiệu quả kế hoạch công tác tư pháp, theo dõi, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; các văn bản triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; đảm bảo các điều kiện cần thiết thực hiện công tác theo dõi, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Qua theo dõi tình hình tuân thủ pháp luật cho thấy một số sai phạm chủ yếu như: chậm đưa đất vào sử dụng; sử dụng đất sai mục đích; cho thuê đất trái pháp luật; vi phạm quy định về xả nước thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép; thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung cam kết bảo vệ môi trường hoặc Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cấp phép.

2.2. Công tác tổ chức cán bộ

- Thực hiện nghiêm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả số lượng công chức, viên chức, hợp đồng lao động được giao. Hiện nay, số lượng công chức, viên chức, người lao động của Sở là 418 người, trong đó: Công chức 45 người, viên chức 138 người, hợp đồng lao động theo Nghị định 68 là 04 người; lao động hợp đồng chuyên môn trong các đơn vị trực thuộc 231 người.

Thực hiện theo trình tự, thủ tục chuyển công tác cho 01 viên chức; bổ nhiệm lại cho 01 trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, 03 trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở. Cử 11 trường hợp dự thi nâng ngạch công chức; 02 trường hợp đào tạo, bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị, 02 trường hợp trung cấp lý luận chính trị, 02 trường hợp bồi dưỡng chuyên viên chính.

- Hoàn thiện đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2030. Tổ chức sử dụng, quản lý viên chức theo đúng danh mục, bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở đã được phê duyệt.

- Tăng cường ứng dụng mạng xã hội, nền tảng di động trong tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị và đo lường mức độ hài lòng của người dân; sử dụng văn bản điện tử và ký số đối với Sở, các phòng, đơn vị và cán bộ, công chức; thực hiện chuyển đổi số gắn với tích hợp, chia sẻ dữ liệu và nâng cao hiệu quả công vụ.

2.3. Công tác cải cách thủ tục hành chính

Nhiệm vụ cải cách hành chính bảo đảm được mục tiêu, yêu cầu, kế hoạch đề ra; việc kiểm tra, đánh giá công tác cải cách hành chính được triển khai giúp rà soát, hệ thống đối với những công việc còn tồn tại và đề ra biện pháp xử lý, khắc phục một cách có hiệu quả, cụ thể:

- Kịp thời cập nhật trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 04 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tiến độ, chất lượng nội dung, nhiệm vụ được giao về kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Sở giai đoạn 2022-2025. Phối hợp cung cấp và thực hiện dịch vụ mức độ 4 đối với thủ tục hành chính “Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)” trên hệ thống Công Thông tin Dịch vụ công tỉnh và tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu, trả kết quả (5 tại chỗ) tại Trung tâm hành chính công tỉnh, cấp huyện đối với 01 thủ tục trong lĩnh vực đất đai; thực hiện liên thông giữa các cấp chính quyền trong giải quyết 16 thủ tục thuộc nhóm thủ tục hành chính về đất đai.

- Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Sở là 105 thủ tục, trong đó: Thẩm quyền giải quyết của Sở 91 thủ tục (lĩnh vực đất đai 46 thủ tục; đo đạc và bản đồ 02 thủ tục; môi trường 9 thủ tục; địa chất, khoáng sản 15 thủ tục; tài nguyên nước 15 thủ tục; quản lý thông tin tài nguyên và môi trường 01 thủ tục; khí tượng, thủy văn 03 thủ tục); thẩm quyền giải quyết của cấp huyện 11 thủ tục (lĩnh vực đất đai 06 thủ tục, môi trường 04 thủ tục, tài nguyên nước 01 thủ tục); thẩm quyền cấp xã 03 thủ tục (lĩnh vực đất đai 01 thủ tục, môi trường 02 thủ tục).

(Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành tài nguyên và môi trường năm 2022, được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra góp phần quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường; kịp thời hướng dẫn các tổ chức khắc phục sai phạm trong thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; rà soát, kiểm tra, xử lý việc chậm sử dụng đất đối với phần diện tích chưa triển khai tại các dự án theo quy định của pháp luật về đất đai; các dự án đã được điều chỉnh quy hoạch chi tiết để xác định giá bổ sung nộp ngân sách nhà nước Kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với 35 tổ chức (Trong đó: đất đai 04 tổ chức; lĩnh vực môi trường 31 tổ chức).

- Công tác giải quyết đơn thư đạt kết quả cao. Trong năm, Sở đã tiếp nhận và giải quyết 305/305 đơn thư, đồng thời phối hợp với UBND cấp huyện tư vấn, hướng dẫn nhằm giải quyết đơn thư, kiến nghị đảm bảo từ cấp huyện, hạn chế phát sinh lên cấp trên.

- Công tác tiếp dân được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, trong năm đã tiếp, giải thích, hướng dẫn 37 lượt với 64 người. Qua tiếp dân, kiến nghị phản ánh chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp ranh giới sử dụng đất, đề nghị hưởng đất dân cư dịch vụ đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi...).

(chi tiết có phụ lục số 03, 04 kèm theo)

2.5. Công tác kế hoạch – tài chính

- Chủ động phân khai, giao kế hoạch, dự toán ngân sách, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ trọng tâm được giao và những nhiệm vụ đột xuất do yêu cầu quản lý nhà nước, cụ thể:

+ Tổng số dự toán ngân sách nhà nước giao đầu năm là 240.406 triệu đồng; dự toán giao vốn xây dựng cơ bản 12.000 triệu đồng; dự toán dự án ODA giao 26.364 triệu đồng; tổng thu phí, lệ phí được giao 11.543 triệu đồng.

+ Kết quả ước thực hiện năm 2022: Chi thường xuyên 155.827 triệu đồng; chi xây dựng cơ bản 12.000 triệu đồng đạt 100% kế hoạch; thu phí, lệ phí 10.104 triệu đồng đạt 87,53% kế hoạch. Đối với dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn Ngân hàng Thế giới triển khai rất chậm so với kế hoạch, thời gian còn lại không đáp ứng được khối lượng còn phải thực hiện, Sở đã báo cáo đề nghị cho phép dừng thực hiện dự án.

- Triển khai thực hiện việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảm bảo đúng quy định hiện hành.

2.6. Công tác quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ

Hiện nay, tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Bắc Ninh là 82.271 ha, gồm: Đất nông nghiệp 46.520 ha; đất phi nông nghiệp 35.562 ha; đất chưa sử dụng 189 ha. Công tác quản lý, sử dụng đất đai luôn được Sở tham mưu đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể:

- Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện để thực hiện 1.463 dự án công trình, diện tích khoảng 6.197,8 ha (trong đó đất trồng lúa 5.292,0 ha); đẩy nhanh tiến độ lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025, lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030; hoàn thành phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện để tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Trình HĐND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa và dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Tham mưu UBND tỉnh quyết định: giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 43 dự án, diện tích 295,1 ha (đất trồng lúa 245,7 ha), trong đó có 08 dự án đất dân cư dịch vụ, diện tích 36,1 ha; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được 43/1.463 dự án công trình, đạt 2,9% so với số lượng dự án đã được phê duyệt, diện tích 295,1 ha (đất trồng lúa 245,7 ha)/6.197,8 ha, đạt 4,8% so với diện tích đã được phê duyệt; UBND các huyện, thành phố đã quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện 91 dự án, diện tích 608,6 ha (đất trồng lúa 585,0 ha), chưa hoàn thiện hồ sơ đất đai để trình UBND tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tham mưu UBND tỉnh quyết định gia hạn thời gian sử dụng đất đối với 16 dự án, diện tích 221,6 ha do chậm triển khai thực hiện.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động đo đạc, bản đồ; hoàn thành dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tại huyện Tiên Du; tham gia dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh; kiểm tra các sản phẩm trích đo bản đồ địa chính; tổ chức cắm mốc giao đất, cho thuê đất trên thực địa theo quy định. Phối hợp thực hiện dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn ngân hàng Thế giới. Kết quả đến nay đã thực hiện được khoảng 30% khối lượng công việc. Triển khai thực hiện dự án chi tiết xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai huyện Quế Võ (giai đoạn 2021-2024).

- Tập trung tham mưu đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm như: đầu tư xây dựng cầu Như Nguyệt trên tuyến cao tốc Hà Nội - Bắc Giang; Vành đai 4-Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh); Khu công nghiệp Yên Phong II-C; Khu công nghiệp đô thị và dịch vụ VSIP - Bắc Ninh II; Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh; Khu công nghiệp Thuận Thành III - Phân khu B; Khu công nghiệp Thuận Thành II; Khu công nghiệp Gia Bình I, II; các dự án đất dân cư dịch vụ... và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của UBND cấp huyện và của Chủ đầu tư.

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh giải quyết các trường hợp vướng mắc về giá đất; xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật; ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Tính đến ngày 31/10/2022, thu ngân sách nhà nước từ đất được 2.015,9 tỷ đồng, trong đó: Thu tiền sử dụng đất 1.221,6 tỷ đồng; thu tiền thuê đất, phí và lệ phí, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, tiền chậm nộp 794,3 tỷ đồng.

- Công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo đúng quy định. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/10/2022, đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu được 4.945 giấy, diện tích 335,0 ha (tổ chức 2.502 giấy, diện tích 270,0 ha; hộ gia đình, cá nhân 2.443 giấy, diện tích 65,0 ha); cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình được 3.666 giấy (tổ chức 06 giấy; hộ gia đình, cá nhân 3.660 giấy); thực hiện đăng ký biến động đất đai được 46.311 giấy, trong đó Đăng ký biến động xác nhận trực tiếp trên Giấy chứng nhận đã cấp 11.833 giấy (Tổ chức 519 giấy; hộ gia đình, cá nhân 11.314 giấy), đăng ký biến động phải cấp mới Giấy chứng nhận 34.478 giấy (Tổ chức 300 giấy; hộ gia đình, cá nhân 34.178 giấy); đăng ký giao dịch bảo đảm cho 41.061 trường hợp (tổ chức 2.837 trường hợp; hộ gia đình, cá nhân 39.224 trường hợp); cung cấp thông tin cho 3.507 lượt tổ chức có nhu cầu khai thác.

Tuy nhiên, công tác quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như:

+ Tiến độ thực hiện các dự án giao đất dân dịch vụ, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số dự án, đặc biệt các dự án trọng điểm còn chậm so với tiến độ, do việc xác định nguồn gốc sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn; một số hộ gia đình, cá nhân còn đòi hỏi giá bồi thường cao hơn so với quy định; ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của người dân còn thấp, ảnh hưởng đến kết quả triển khai thực hiện dự án. Kết quả cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chưa cao do gặp khó khăn vướng mắc về việc xác định nguồn gốc đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính; đất tranh chấp, lấn, chiếm đất đai; đất giao trái thẩm quyền...

+ Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đạt thấp, do các huyện, thành phố khi lập danh mục dự án chưa phân tích, đánh giá kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất của năm trước; chưa căn cứ vào chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ... dẫn đến dự án đăng ký thiếu tính khả thi. Ngoài ra, do quy định về đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; quy định trình tự thực hiện các dự án đầu tư xây dựng không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh chưa được phê duyệt.

+ Tình hình vi phạm pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai còn diễn ra ở một số địa phương, vẫn còn tình trạng hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng các công trình trái phép trên đất nông nghiệp; một số tổ chức sử dụng đất kém hiệu quả; chậm đưa đất vào sử dụng; tự ý cho thuê lại đất và tài sản gắn liền với đất không đúng quy định.

(chi tiết có phụ lục số 02, 05, 06, kèm theo)

2.7. Lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước đảm bảo yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc khai thác, sử dụng nước dưới đất, nhất là đối với công trình khai thác thuộc Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/11/2018 của Chính phủ. Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản; hoạt động của các cơ sở sản xuất gạch không nung, trạm trộn bê tông; kết quả giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu; về quy hoạch, cấp phép hoạt động khoáng sản các khu vực đã được khoanh định có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; tình hình thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước năm 2022. Thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định cấp phép, phê duyệt: 04 hồ sơ khai thác khoáng sản; 23 hồ sơ khai thác tài nguyên nước; 05 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, với số tiền 314,883 triệu đồng; 17 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác nước, với số tiền 433,210 triệu đồng.

Hoàn thành các dự án: Quan trắc động thái nước dưới đất năm 2022; đánh giá chất lượng nước mưa; nhân rộng mô hình xử lý làm sạch ao hồ tại một số ao hồ trung tâm trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành việc cập nhật dữ liệu khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

(chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo)

Nhìn chung, tài nguyên nước, khoáng sản được quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản của nhân dân, doanh nghiệp dần được nâng cao; kịp thời xử lý và chấn chỉnh các hoạt động khai thác, xả nước thải vào nguồn nước. Tuy nhiên, công tác quản lý tài nguyên nước, khoáng sản cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc do sự phối hợp giữa các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố trong công tác kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, tập kết cát, sỏi, khai thác đất trái phép còn bị động, chưa thường xuyên, kịp thời nên vẫn còn tình trạng khai thác, vận chuyển đất trái phép diễn ra ở một số địa phương được nhân dân và cơ quan báo chí phản ánh.

2.8. Lĩnh vực môi trường

Tham mưu ban hành kế hoạch: Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các địa phương, giai đoạn 2022-2025; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đôn đốc, giám sát tình hình thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường, giai đoạn 2019-2025, Đề án tổng thể xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề Văn Môn.

Báo cáo việc thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường tại CCN Phú Lâm và phường Phong Khê; kết quả kiểm tra tình trạng ô nhiễm tại CCN Hà Mãn - Trí Quả và hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Tiếp nhận, xác minh và xử lý 32/32 kiến nghị, phản ánh về môi trường qua đường dây nóng của Tổng cục Môi trường, Cổng thông tin điện tử của Sở và của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Trình UBND tỉnh phê duyệt 98 báo cáo đánh giá tác động môi trường, 63 giấy phép môi trường. Cấp 11 giấy xác nhận việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành, 10 giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp mới và điều chỉnh 07 Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Giám sát vận hành hoạt động của nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các công ty môi trường. Phối hợp với các Sở, ban ngành xem xét xử lý rác thải sinh hoạt tại thị trấn Chờ theo công nghệ lò đốt; thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường do lò đốt rác thải sinh hoạt phường Đình Bảng. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành một số chỉ tiêu theo kế hoạch, như: 95% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom; 90% chất thải rắn sinh hoạt được xử lý; 85% chất thải rắn sinh hoạt tại nông thôn được thu gom, tự xử lý, vận chuyển, xử lý tập trung; 10,5% cụm công nghiệp và các làng nghề truyền thống có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn; 100% chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý tại khu công nghiệp đã đi vào hoạt động. Riêng chỉ tiêu tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường mới chỉ đạt 90% (theo kế hoạch là 100%), do khu công nghiệp Hanaka chưa hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(chi tiết có phụ lục số 07 kèm theo)

3. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường năm 2023

3.1. Mục tiêu

- Tập trung quyết liệt các giải pháp, triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường của tỉnh.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND và Bộ Tài nguyên và Môi trường giao để tập trung quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường; giảm thiểu tác động tiêu cực của các hoạt động khai thác tài nguyên đối với môi trường; kiểm soát, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học; tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường sống, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

- Từng bước xây dựng, hoàn thiện bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường; thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trong nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của các cấp ủy Đảng, HĐND, UBND tỉnh đề ra.

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức, chấp hành pháp luật, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường trong cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, của ngành.

- Phát huy sức mạnh đoàn kết, tạo sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng góp phần xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững, cơ bản trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng văn minh, hiện đại.

* Một số chỉ tiêu chủ yếu:

+ Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác năm.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đạt 96%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đạt trên 90%.

+ Tỷ lệ các cụm công nghiệp và các làng nghề truyền thống có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn từ 40-50%.

+ Tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý tại khu công nghiệp đã đi vào hoạt động đạt 100%.

3.2. Nhiệm vụ giải pháp

- Triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; chỉ thị, chương trình công tác của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ công tác năm 2023.

- Thực hiện nghiêm túc công tác cải cách hành chính, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh, cấp huyện. Duy trì hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành; áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001:2015.

- Trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án. Tập trung điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai; thực hiện thống kê đất đai. Nâng cao chất lượng tham mưu quản lý các nguồn thu từ đất; xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất; giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất; giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Tham mưu tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý và sử dụng đất đai, đặc biệt trong bồi thường, giải phóng mặt bằng; xử lý những tồn tại trong công tác quản lý đất đai; đơn đốc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh. Thực hiện nghiêm công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, bổ sung tài sản gắn liền với đất, đăng ký giao dịch bảo đảm của cá nhân, tổ chức sử dụng đất theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động về tài nguyên nước, khoáng sản; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các quy định của Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản. Tham mưu phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về tài nguyên nước, khoáng sản; thực hiện kế hoạch quản lý, sử dụng ao, hồ, đầm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2030. Thực hiện tốt công tác thẩm định hồ sơ cấp phép tài nguyên nước, khai thác khoáng sản; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước theo quy định.

- Tham mưu rà soát, điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các hộ gia đình. Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư, cơ sở sản xuất kinh doanh về pháp luật bảo vệ môi trường; triển khai công tác phân loại, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; nâng cao năng lực, chất lượng thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường; quản lý nghiêm ngặt xả chất thải và phế thải. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong các làng nghề, cụm công nghiệp và các cơ sở có nguồn thải lớn. Triển khai thực hiện Dự án xử lý ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề Khắc Niệm, Phong Khê, Đại Bái, Châu Khê, Phú Lâm, Xuân Lai, Đại Lai; xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các huyện và điều chỉnh, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thành phố Bắc Ninh và thị xã Từ Sơn.

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường trong cộng đồng dân cư, các tổ chức cá nhân trên địa bàn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các ngành, các địa phương trong việc giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi các chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh; kiên quyết xử lý và kiến nghị xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Sở nói riêng và ngành tài nguyên và môi trường nói chung để khắc phục những hạn chế, yếu kém về phẩm chất, năng lực, thái độ của cán bộ dẫn đến những bức xúc của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Tranh thủ và huy động tối đa các nguồn lực đầu tư để thực hiện các chương trình, dự án phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề án đảm bảo đúng tiến độ, nội dung.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP Sở.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Phương

Phụ lục số 01

Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành tài nguyên và môi trường

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Tổng hồ sơ	Hình thức tiếp nhận và giải quyết			Kết quả xử lý	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán điện tử	Đúng hạn	Quá hạn
1	Lĩnh vực đất đai	80.761	80.508	253		79.071	1.690
2	Lĩnh vực khoáng sản	4	4			4	
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	25	25			24	
4	Lĩnh vực môi trường	283	109	174		282	1
5	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	115	15	100		115	
Tổng số		81.188	80.661	527		79.496	1.691

Phụ lục số 02

Nguồn thu từ tài nguyên và môi trường đóng góp vào ngân sách Nhà nước
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Tổng thu (triệu đồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN địa phương (%)
1	Lĩnh vực đất đai	4.368.545,0	
2	Lĩnh vực khoáng sản	45,0	
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	51,0	
4	Lĩnh vực môi trường	1.878,0	
5	Lĩnh vực khí tượng thủy văn		
6	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ		
7	Thu từ cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực TN&MT	5.662,0	
	Tổng số	4.376.181,0	

Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Số lượng (đoàn/cuộc)	Kết quả xử lý/ kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm tra				
			Thu hồi đất (ha)	Thu hồi giấy phép	Xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính	Hình thức xử lý khác
1	Kết quả công tác thanh tra						
-	Lĩnh vực đất đai						
-	Khoáng sản						
-	Tài nguyên nước						
-	Môi trường						
2	Kết quả công tác kiểm tra						
-	Lĩnh vực đất đai	04			8,0		
-	Khoáng sản						
-	Tài nguyên nước	07			0		
-	Môi trường	08			287,6		
	Tổng số	19			295,6		

Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2022		Số lượng đơn thư còn tồn đọng từ các năm trước	Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến 2022	Kết quả giải quyết		Số lượt tiếp công dân
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Chuyển cấp có thẩm quyền	
	Tổng số	335	335	229	+66	296	70	37
-	Lĩnh vực đất đai	293	293	228	+65	293	31	37
-	Khoáng sản							
-	Tài nguyên nước							
-	Môi trường	42	42	1	+1	3	39	0

Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	30,8		30,8
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	51,5		51,5
III	Cho thuê đất	215,9		215,9
IV	Cho phép chuyển mục đích từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp	260,3		260,3
1	Đất trồng lúa	247,6		247,6
2	Đất rừng			
2.1	Rừng phòng hộ			
2.2	Rừng đặc dụng			

Kết quả cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu NO&TS gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022			Trong đó: cấp trong năm 2022		Ghi chú
		Diện tích cần phải cấp giấy	Diện tích đã hoàn thành cấp giấy	Số giấy chứng nhận đã cấp	Diện tích cấp mới lần đầu (ha)	Số giấy cấp mới lần đầu	
1. Kết quả cấp giấy chứng nhận							
1	Đất nông nghiệp				2.032,3	71.603	
2	Đất phi nông nghiệp				169,8	4.192	
	<i>Trong đó: đất ở</i>				99,7	4.154	
2. Kết quả xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai							
TT	Chỉ tiêu	Số huyện lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022				Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó: Đã kết nối với dữ liệu dân cư	Đã cung cấp dịch vụ công	Kết nối liên thông với thuế và tổ chức tín dụng		
1	Số đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành và đưa vào vận hành	4		3			
-	<i>Đã đưa vào khai thác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công</i>	3		3			
-	<i>Dự kiến hoàn thành trong năm 2022</i>	1					
2	Số đơn vị hành chính cấp huyện đang triển khai	1					

Phụ lục số 07

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường cấp tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả		Tăng, giảm so với năm 2021
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1.	Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đô thị	02/02	100	0
2.	Số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Khu	09/10	90	0
3	Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động liên tục	Cơ sở	28		+7
	Trong đó, số KCN, KCX, KCNC có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Khu	09	90	0
4.	Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung	Cụm	03	12,5	0
5	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý triệt để	Cơ sở	06	60	0
6	Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn		1.100	100	+ 10
6.1	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh	Tấn/ngày	561		
-	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn/ngày	561	100	
-	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học.	Tấn/ngày	0	-	
6.2	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Tấn/ngày	539		+ 10
-	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn/ngày	374	70	
-	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học.	Tấn/ngày	108	20	

7	Số lượng các trạm quan trắc nước thải/khí thải tự động, liên tục	Trạm	64		+10
8	Số lượng vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường đã phát hiện và được xử lý	Vụ việc	42		+19
	Trong đó: Giải quyết vụ việc được phản ánh thông qua đường dây nóng về môi trường		42		+19
	Số lượng vụ việc được phản ánh, kiến nghị	Khu	42		+19
	Số lượng vụ việc đã được giải quyết dứt điểm		22		
9	Số huyện đạt tiêu chuẩn về môi trường nông thôn mới		08	100	
10	Công tác bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học		0		
10.1	Khu Bảo tồn		0		
	Số lượng	Khu			
	Diện tích	Ha			
10.2	Di sản thiên nhiên		0		
	Số lượng	Khu			
	Diện tích	Ha			
10.3	Hành lang đa dạng sinh học		0		
	Số lượng	Khu			
	Diện tích	Ha			
10.4	Cơ sở bảo tồn		0		
	Số lượng	Khu			
	Diện tích	Ha			

